ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

số: AGIA_TVHN_20230321_1100
Ngày: 21/3/2023

BẢN TIN DỰ BÁO THUỶ VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên theo triều trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống chậm; mực nước thấp nhất ngày lên theo triều trong 3-4 ngày tới, sau đó xuống nhanh.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực lên chậm trong 2-3 ngày tới, sau đó xuống chậm.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 20/3 đến 25/3/2023

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		20/03	So với cùng kỳ 2022	So với TBNN	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.26	-0.02	0.26	1.35	1.42	1.45	1.44	1.41
						Min	-0.35	-0.23	-0.39	-0.26	-0.19	-0.12	-0.09	-0.14
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.33	0.00	0.36	1.43	1.51	1.54	1.53	1.50
						Min	-0.37	-0.17	-0.13	-0.28	-0.21	-0.14	-0.11	-0.16
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.08	0.03	0.12	1.17	1.24	1.27	1.26	1.23
						Min	0.08	-0.23	-0.21	0.17	0.24	0.31	0.34	0.29
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.42	-0.04	0.39	1.51	1.58	1.61	1.60	1.57
						Min	-0.35	-0.32	-0.31	-0.26	-0.19	-0.12	-0.09	-0.14
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.49	-0.02	0.40	1.59	1.67	1.70	1.69	1.66
						Min	-0.48	-0.28	-0.14	-0.39	-0.32	-0.25	-0.22	-0.27
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.37	-0.04	0.35	1.47	1.55	1.58	1.57	1.54
						Min	-0.44	-0.32	-0.29	-0.35	-0.28	-0.21	-0.18	-0.23
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.36	-0.04	0.03	0.38	0.42	0.43	0.41	0.39
						Min	0.06	-0.10	-0.04	0.08	0.13	0.15	0.14	0.10
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.23	-0.05	-0.02	0.25	0.29	0.30	0.28	0.26
						Min	0.18	-0.03	-0.05	0.20	0.24	0.25	0.23	0.19
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.45	0.08	0.12	0.47	0.51	0.52	0.50	0.48
						Min	0.12	-0.06	-0.01	0.14	0.19	0.21	0.20	0.16
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.57	0.07	0.28	0.59	0.63	0.64	0.62	0.60
						Min	0.34	-0.06	0.14	0.36	0.41	0.43	0.42	0.38
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.23	-0.01	0.05	0.25	0.29	0.30	0.28	0.26
						Min	0.17	0.01	0.04	0.19	0.23	0.24	0.22	0.18
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.73	0.14	0.28	0.75	0.79	0.80	0.78	0.76
						Min	0.47	-0.03	0.15	0.49	0.54	0.56	0.55	0.51
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	0.98	0.09	0.34	1.00	1.04	1.05	1.03	1.01
						Min	0.39	-0.11	0.06	0.41	0.47	0.50	0.50	0.46
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.63	0.03	0.08	0.65	0.69	0.70	0.68	0.66
						Min	0.42	0.01	0.06	0.44	0.49	0.51	0.50	0.46

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- *Thông tin dự báo được đăng trên website:* http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van

Tin phát lúc 11h00 ngày 21/3/2023

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan